

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HS-ST
Ngày 25 - 3 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

2. Bà Đinh Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 và 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo:

Võ Thành N, tên gọi khác: Không; Ngày sinh: 16/12/1999; nơi cư trú: Tổ B, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; cha: Võ Thành T, sinh năm 1950; mẹ: Trương Thị Kim A, sinh năm 1954; vợ, con: chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 30/9/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xử phạt 6 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo Bản án số 119/2022/HS-ST, bị cáo đã thi hành xong, chưa được xóa án tích; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2023 cho đến nay; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Q; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Hoàng Lê P, sinh năm 1998; địa chỉ: Đ, thôn L, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

2. Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ G, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

3. Bùi Phụ T2, sinh năm 2000; địa chỉ: Tổ G, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

4. Nguyễn Công V, sinh năm 1996; địa chỉ: Số F Q, tổ H, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

5. Đặng Việt T3, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp T, T, T, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt.

6. Nguyễn Gia V1, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh

Quảng Ngãi; vắng mặt.

7. Ông Võ Thành T, sinh năm 1950 và bà Trương Thị Kim A, sinh năm 1954; cùng địa chỉ: Tổ B, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 6/2023, Võ Thành N gặp mua 01 khẩu súng đã lắp sẵn 08 viên đạn của một người không rõ lai lịch ở Tây Ninh với số tiền là 7.000.000 đồng. Sau khi mua súng xong, N cất súng trong ba lô và mang theo người nhưng chưa sử dụng lần nào. Đến cuối tháng 6/2023, N mang súng về nhà mình tại: Tổ B, Phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cất và không nói cho ai biết. Đến khoảng giữa tháng 7/2023, N vào lại thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, sinh sống, khẩu súng và 08 viên đạn này vẫn cất giấu tại nhà của N.

Sáng ngày 09/10/2023, N đang ở Thành phố Hồ Chí Minh làm việc thì Nguyễn Công V, sinh năm 1996; trú tại phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi gọi điện thoại nói *“có thằng T4 nó đánh anh ngoài đường, em về đi chung với anh ra nói chuyện với nó đòi đầu súng, dao với anh”*, N đồng ý và đi máy bay về Quảng Ngãi. Khoảng 18 giờ cùng ngày, N đến quán cà phê T5, ở đường P uống cà phê cùng với V, Nguyễn Hoàng Lê P; sinh năm 1998, trú tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1999 và Bùi Phú T2, sinh năm 2000; cùng trú tại phường Q, thành phố Q. Tại đây, V có gọi điện thoại cho Phan Đức T6, sinh năm 1997; trú tại Phường N, thành phố Q nói ra quán cà phê nói chuyện giải hòa, T6 không đồng ý và thách thức V ra bờ kè đường T để gặp T6 nên cả nhóm cùng đi. Khi ra đến đường T, thấy một nhóm người đứng ở phía bờ sông và khi đó cả nhóm nghe có 03 tiếng nổ lớn không biết là tiếng nổ do vật gì gây ra, thì nhóm V chạy đến đồng gạch bên đường nắp, nhóm người kia bỏ chạy trên đường T theo hướng về trung tâm thành phố Q. Lúc này, V điện thoại cho T6 nói *“Sao kêu ra nói chuyện mà bỏ đi”*, T6 không có mặt trong nhóm người đã bỏ chạy nhưng qua điện thoại nói lại với V là *“Chờ tí, tao quay lại chơi tay đôi, thích súng, dao hay tay không cũng được”* và khi đó N nói *“để em về nhà lấy đồ chơi lại nhóm lúc này”*, cả nhóm V cầm gạch đuổi theo nhóm người kia nhưng không kịp, khi đi đến đoạn gần ngã tư giao nhau đường H và Quang T7 thì chia ra; V và T2 đi đổ xăng và về nhà đôi xe; P, T1 và N về nhà N lấy súng. Khi về đến nhà N thì P đứng dưới nhà, một mình N đi vào phòng ngủ lấy súng đem xuống đặt trên bàn ở phòng khách và tháo lắp đạn sau đó N bỏ vào một túi nilong, đem treo lên бага xe của P để cùng đi đến đường T; khi đi trên đường T một đoạn thì nhóm của N dừng xe trên vỉa hè và N để khẩu súng bên trong bao ni lông màu trắng trên lan can bờ kè gần chỗ N đứng. Lúc này, Tổ công tác của Công an thành phố Q đến kiểm tra phát hiện súng nên đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và bàn giao vụ việc cho Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Q thụ lý, điều tra theo thẩm quyền.

Theo Kết luận giám định số 986/KL-KTHS, ngày 13/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận:

- 01 (một) vật bằng kim loại giống súng gửi giám định là súng ngắn K54, đây là vũ khí quân dụng. Hiện tại, súng còn sử dụng để bắn được nhưng không ổn định.

- 08 (tám) vật bằng kim loại có hình dạng giống viên đạn gửi giám định là loại đạn cỡ 7,62x25mm, sử dụng cho một số loại súng quân dụng như: K54, K43, K50... Sử dụng các viên đạn này để bắn thực nghiệm trên khẩu súng K54 nêu trên thì có 01 viên đạn ký hiệu “13 2009” và 01 viên đạn ký hiệu “21 53” nổ tốt, các viên còn lại không nổ.

Bản cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 24/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Võ Thành N về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật hình sự. Ngày 24/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ra Quyết định số 04/QĐ-VKS phân công Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quan điểm như trong bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Võ Thành N phạm tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nhân từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về vật chứng: Tịch thu, giao cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Q quản lý và xử lý theo quy định: 01 khẩu súng K54, 08 (tám) vật bằng kim loại có hình dạng giống viên đạn gửi giám định là loại đạn cỡ 7,62x25mm, sử dụng cho một số loại súng quân dụng như: K54, K43, K50....

T8 trả lại cho Võ Thành N: 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE có số sê ri: C6KXPJVNKXKN đã qua sử dụng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Võ Thành N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của những người liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Võ Thành N là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo N nhận thức được hành vi tàng trữ vũ khí quân dụng là trái pháp luật. Bị cáo N không được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép để được tàng trữ, sử dụng vũ khí quân dụng, nhưng vẫn cố tình thực hiện, cụ thể: Khoảng đầu tháng 6/2023, Võ Thành N gặp mua 01 khẩu súng K54 đã lắp sẵn 08 viên đạn của một người không rõ lai lịch ở Tây Ninh với số tiền là 7.000.000 đồng. Sau khi mua súng xong, N cất súng trong ba lô và mang theo người. Đến cuối tháng 6/2023, N mang súng về nhà mình (nhà ông Võ Thành T và bà Trương Thị Kim A là cha, mẹ đẻ của bị cáo) tại: Tổ B, Phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cất và không nói cho ai biết. Tại kết luận số 986/KL-KTHS, ngày 13/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận: 01 (một) vật bằng kim loại giống súng gửi giám định là súng ngắn K54, đây là vũ khí quân dụng; 08 (tám) vật bằng kim loại có hình dạng giống viên đạn gửi giám định là loại đạn cỡ 7,62x25mm, sử dụng cho một số loại súng quân dụng như: K54, K43, K50... Sử dụng các viên đạn này để bắn thực nghiệm trên khẩu súng K54 nêu trên thì có 01 viên đạn ký hiệu “13 2009” và 01 viên đạn ký hiệu “21 53” nổ tốt, các viên còn lại không nổ. Súng K54 thuộc danh mục vũ khí quân dụng (theo điểm a khoản 1 Điều 1 Luật số 50/2019/QH14- Luật sửa đổi, bổ sung, một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công vụ hỗ trợ. Hành vi của bị cáo N nêu trên đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật hình sự. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Võ Thành N đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng số 07/CT-VKSQNG-P1 ngày 24/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Võ Thành N1 về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính, chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo Võ Thành N đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến chế độ quản lý vũ khí quân dụng của Nhà nước mà còn gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an và an toàn xã hội nói chung và trên địa bàn thành phố Q nói riêng. Bị cáo biết rõ việc tàng trữ vũ khí quân dụng là trái quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, nguy hiểm hơn bị cáo mua về cất giấu, tàng trữ vũ khí quân dụng mục đích là để tự vệ, mặc dù bị cáo biết rõ khi sử dụng đạn và súng K54 sẽ gây ra nhiều hậu quả nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người khác, nhưng khi nghe Nguyễn Công V nhờ đi giải quyết mâu thuẫn với nhóm của Phan Đức T6 thì bị cáo vẫn mang đi. Hành vi của bị cáo nếu không được các cơ quan chức năng phát hiện và ngăn chặn kịp thời thì sẽ là nguyên nhân gián tiếp gây ra các tội phạm nghiêm trọng khác.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Ngày 30/9/2022, bị cáo Võ Thành N bị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi tuyên phạt 6 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo Bản án số 119/2022/HS-ST. Đến ngày 05/12/2023, bị cáo đã chấp hành xong bản án, chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” trong vụ án này. Vì vậy, lần phạm tội này bị can bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có ông ngoại là ông Trương L là thành viên đội du kích B, được Nhà nước tặng kỷ niệm chương nên được xem là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm, động cơ, mục đích của hành vi phạm tội, trên cơ sở xem xét, cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm với một mức án thích đáng và cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và phòng ngừa chung loại tội phạm này; đồng thời nâng cao hiệu quả trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm.

[5] Đối với hành vi của những người liên quan:

[5.1] Đối với ông Võ Thành T và bà Trương Thị Kim A là cha, mẹ của Võ Thành N, mặc dù bị cáo sử dụng nhà của ông T, bà A làm nơi tàng trữ vũ khí, nhưng ông T, bà A không biết việc N tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng, đồng thời trong quá trình cất giấu N không cho cha, mẹ mình biết nên không đủ căn cứ để xác định ông Võ Thành T và bà Trương Thị Kim A đồng phạm với bị cáo trong việc tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng.

[5.2] Đối với người đàn ông đã bán súng cho N: Bị cáo N khai không nhớ rõ thông tin của người này nên không có cơ sở xác định được nhân thân, lai lịch, địa chỉ nơi cư trú của các đối tượng nêu trên là ai, hiện nay đang ở đâu. Cơ quan An ninh điều tra tiếp tục xác minh, điều tra, khi nào làm rõ sẽ đề nghị xử lý sau là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5.3] Đối với Nguyễn Hoàng Lê P: P nhìn thấy khẩu súng và số đạn của N trong thời gian ngắn và cũng không hỏi, không biết N mua súng của ai, ở đâu, thời gian nào, giá bao nhiêu tiền và cất giấu ở đâu, P không trực tiếp tiếp xúc, cầm nắm hay sử dụng, không rõ là súng gì; việc N mang súng về cất giữ tại nhà ở tỉnh Quảng Ngãi thì P hoàn toàn không biết việc này. Vì vậy, không có căn cứ để xác định vai trò đồng phạm của P trong việc tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng. Việc P nhìn thấy khẩu súng và số đạn của N không thuộc trường hợp không tố giác tội phạm theo quy định tại Điều 390 Bộ luật hình sự nên không xem xét xử lý về hình sự đối với P là có căn cứ.

[5.4] Đối với nhóm người (5 đến 6 người) đứng ở phía bên kia đường (phía bờ sông) đã bỏ chạy quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra đã thực hiện các

biện pháp điều tra nhưng không xác định được nhân thân lai lịch của người nào nên không có cơ sở xử lý.

[5.4] Đối với hành vi của Nguyễn Công V, Nguyễn Hoàng Lê P, Nguyễn Ngọc T1 và Bùi Phụ T2: Khi nhóm của V ở bờ kè quay về thì nhân nói “*để em về nhà lấy đồ chơi lại nhóm lúc này*”, lúc này V và T2 đi đồ xăng và về nhà đổi xe; còn N, P và T1 về nhà N. Tuy nhiên, chỉ có một mình N lên nhà lấy súng, các bị cáo khác không biết N lấy đồ là vật gì, không tham gia cùng N chuẩn bị hung khí, vũ khí nhằm gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nên không có cơ sở xử lý hình sự đối với các đối tượng nêu trên về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 6 Điều 134 Bộ luật hình sự.

[6] Về vật chứng của vụ án:

- 01 (một) khẩu súng ngắn 7,62mm K54; 06 viên đạn bộ binh; 02 vỏ đạn bộ binh là vũ khí quân dụng phải được thu giữ, quản lý, sử dụng theo đúng quy định. Do đó, cần tịch thu và giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định, hiện Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Q đã bàn giao cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Q để bảo quản theo biên bản giao ngày 03/01/2024 là đúng với quy định tại các Điều 63, 64, 66, 69, 70 và Điều 73 của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE có số sê ri: C6KXPJVNKXKN đã qua sử dụng của bị can Võ Thành N, không liên quan đến việc phạm tội nên tuyên trả lại cho bị cáo N.

- Các vật chứng: 01 (một) điện thoại di động Iphone của Nguyễn Hoàng Lê P; 01 (một) điện thoại hiệu Iphone của Nguyễn Ngọc T1; 01 (một) điện thoại hiệu SAMSUNG của Bùi Phụ T2; 01 (một) điện thoại hiệu Iphone của Nguyễn Công V; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen trắng, biển số 61G1-29972, số máy 5C64-977377, số khung RLCS5C640-CY977357 của Đặng Viết T3; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α, màu đen, biển số 76D1-56231, số máy JA39E2636545, số khung RLHJA3921NY139621 của Nguyễn Gia V1 đều không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo nên tuyên trả lại cho các chủ sở hữu nêu trên là đúng pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Võ Thành N không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, bị cáo hiện bị tạm giam nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng và các nội dung khác của vụ án là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo Võ Thành N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 63, 64, 66, 69, 70 và Điều 73 của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Võ Thành N phạm tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”.

Xử phạt bị cáo Võ Thành N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành phạt tù tính từ ngày 09/10/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Tuyên trả lại cho bị cáo Võ Thành N: 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE có số sê ri: C6KXPJVNKXKN đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/02/2024 giữa Công an tỉnh Q với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi).

3. Về án phí: Buộc bị cáo Võ Thành N phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CQCSĐT CATP Quảng Ngãi;
- Đội tổng hợp, CATP Quảng Ngãi;
- CQTHAHS CATP Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Quý